|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ** **KHU VỰC LONG THÀNH – NHƠN TRẠCH**Số: /TB-TCĐN-ĐT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**––––––––––––––––––––  *Đồng Nai, ngày 02 tháng 12 năm 2013* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc nghiên cứu điều chỉnh phân bổ thời gian đào tạo**

**trong chương trình dạy nghề**

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TWngày 04/11/2013 Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trong đó xác định giải pháp: “Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, đổi mới phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra, đánh giá tiên tiến, khách quan.

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề khu vực Long Thành-Nhơn Trạch đề nghị các Khoa/Bộ môn nghiên cứu chương trình dạy nghề Nhà trường đã ban hành, xem xét phân bổ lại thời lượng: Số giờ giáo viên hướng dẫn, số giờ học sinh tự học đối với các môn học chung, các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở, gửi email về Phòng Đào tạo (mẫu đính kèm).

Phòng Đào tạo và Khoa CNTT đề xuất việc trang bị Thư viện điện tử và thi trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin để đưa nội dung ôn tập, câu hỏi, đề thi các môn chung, và phần lý thuyết các môn học/mô đun cơ sở, chuyên môn nghề lên website của Trường nhằm giúp HSSV tự học, thi hết môn học/mô đun/tốt nghiệp theo quy chế thi của Bộ LĐ-TBXH.

Trên đây là thông báo về việc nghiên cứu điều chỉnh phân bổ thời gian đào tạo trong chương trình dạy nghề, đề nghị Khoa, Bộ môn tổ chức cho giáo viên thực hiện và tổng hợp gửi Phòng Đào tạo trước ngày 15/12/2013./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*- Các Khoa, Bộ môn, PĐT (thực hiện);- C. Hương, Các đơn vị (hỗ trợ);- Lưu: VT, ĐT, website. | Q. HIỆU TRƯỞNG **Lê Anh Đức** |

**Mẫu (Điều chỉnh phân bổ thời gian CT)**

**Ví dụ Phụ lục 10B:**

**Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề**

*(ban hành theo QĐ số 21//2011/TT - BLĐTBXH*

*Ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)*

**Tên nghề: Kế toán doanh nghiệp**

**Mã nghề: 50340310**

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng nghề

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc **tương** đương;

**Số lượng môn học đào tạo: 44**

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

*1.Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:*

**-** Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ;

(Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

*2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ

 + Thời gian học bắt buộc:2420 giờ; Thời gian học tự chọn: 880 giờ

 + Thời gian học lý thuyết: 1090 giờ; Thời gian học thực hành: 2210 giờ

* Thời gian tự học có hướng dẫn: . . . . . . (trong đó hướng dẫn là . . . giờ).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN:

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

 *(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã MH,** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| **MĐ** | Tổng số | Trong đó chia theo LT, TH | Trong đó tự học có hướng dẫn |
|   | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra | GV hướng dẫn | HSSV tự học(khoảng 70%) |
| *I* | *Các môn học chung* | **450** | **220** | **200** | **30** |   |   |
| MH 01 | Chính trị | 90 | 60 | 24 | 6 |   |   |
| MH 02 | Pháp luật | 30 | 21 | 7 | 2 |   |   |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 60 | 4 | 52 | 4 |   |   |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng-AN | 75 | 58 | 13 | 4 |   |   |
| MH 05 | Tin học | 75 | 17 | 54 | 4 |   |   |
| MH 06 | Ngoại ngữ (Anh văn) | 120 | 60 | 50 | 10 |   |   |
| *II* | *Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc* | **2420** | **715** | **1606** | **99** |   |   |
| II.1 | Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở | **435** | **287** | **121** | **27** |   |   |
| MH 07 | Kinh tế chính trị | 60 | 40 | 16 | 4 |   |   |
| MH 08 | Luật kinh tế | 30 | 20 | 8 | 2 |   |   |
| MH 09 | Soạn thảo văn bản | 45 | 27 | 15 | 3 |   |   |
| MH 10 | Anh văn chuyên ngành | 60 | 40 | 16 | 4 |   |   |
| MH 11 | Kinh tế vi mô | 60 | 40 | 17 | 3 |   |   |
| MH 12 | Nguyên lý thống kê | 45 | 30 | 13 | 2 |   |   |
| MH 13 | Lý thuyết tài chính tiền tệ  | 60 | 40 | 16 | 4 |   |   |
| MH 14 | Lý thuyết kế toán | 75 | 50 | 20 | 5 |   |   |
| II.2 | Các môn học, mô đun chuyên môn nghề. |  |  |  |  |   |   |
|  | **Tổng cộng** | **2870** | **935** | **1806** | **129** |  |  |

Phương pháp kiểm tra, đánh giá hết môn học

-Kiểm tra định kỳ: GV cho điểm khi hướng dẫn tại lớp hoặc bài tập thực hành

- Đánh giá kết thúc môn: HSSV thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

***3.2 Thi tốt nghiệp:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | **Thời gian thi** |
| 1 | Chính trị | -Viết tự luận -Hoặc thi trắc nghiệm trên máy tính | Không quá 120 phútKhông quá 20 phút*/10 sinh viên)* |
| 2 | Kiến thức, kỹ năng nghề:- Lý thuyết nghề | -Viết tự luận -Hoặc thi trắc nghiệm trên máy tính | Không quá 120 phútKhông quá 20 phút*/10 sinh viên)* |
| - Thực hành nghề | Trắc nghiệm trên giấyBài thi thực hành | Không quá 90 ??? phútKhông quá 6 giờ |
| - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)* | Bài thi tích hợp lýthuyết và thực hành | Không quá 24 ??? giờ |

 Phần dấu màu vàng và ??? Khoa/bộ môn cho thêm ý kiến

 *Đồng Nai,* ngày…..tháng….năm……..

 **HIỆU TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO KHOA/BỘ MÔN**